

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO QUẬN I

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HKI - MÔN ĐỊA 8

NĂM HỌC 2015 – 2016

I. TƯ LUẬN

Câu 1: Những thành tựu về nông nghiệp của các nước Châu Á

- Châu Á chiếm gần 93% sản lượng lúa gạo và khoảng 39% sản lượng lúa mì của toàn thế giới. (2003)
- Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước đông dân nhất thế giới trước đây thường thiếu lương thực, nay đã đủ và còn thừa để xuất khẩu.
- Việt Nam, Thái Lan là hai nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới.
- Vật nuôi đa dạng, phụ thuộc vào khí hậu.

Câu 2: Đặc điểm dân cư và kinh tế- xã hội khu vực Tây Nam Á

- Dân cư:

- + Phần lớn là người A-rập, đa số theo đạo Hồi
- + Tỷ lệ dân thành thị cao: Chiếm 80% - 90%

- Kinh tế - xã hội:

- + Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ rất phát triển.
- + Là khu vực xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới.
- + Là khu vực rất không ổn định. Luôn xảy ra các cuộc tranh chấp, chiến tranh dầu mỏ
→ Ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, kinh tế của khu vực.

Câu 3: Giới thiệu quốc gia có kinh tế phát triển nhất khu vực Nam Á.

- Ấn Độ là quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất Nam Á.

+ Công nghiệp hiện đại, đa ngành: Năng lượng, luyện kim, hóa chất, dệt...

Trong đó, chú ý phát triển công nghệ cao: Máy tính, điện tử...

+ Nông nghiệp: Không ngừng phát triển với hai cuộc “Cách mạng xanh và “ Cách mạng trắng”.

+ Dịch vụ: Chiếm 48% GDP (năm 2001)

Câu 4: Trình bày đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á

a/ Địa hình và sông ngòi:

- Phần đất liền:

- + Phía tây là núi, sơn nguyên và bồn địa.
- + Phía đông là đồi núi thấp xen với đồng bằng rộng, bằng phẳng.
- Hải đảo: Núi trẻ, thường có động đất và núi lửa.
- Có 3 HT sông lớn: Amua, Hoàng Hà, Trường Giang.

b/ Khí hậu và cảnh quan:

- + Phía đông: Khí hậu gió mùa với cảnh quan rừng chủ yếu
- + Phía tây: Khí hậu khô hạn với cảnh quan thảo nguyên khô, hoang mạc và bán hoang mạc

Câu 5: Giới thiệu sơ nét về sự phát triển kinh tế của Nhật Bản.

- Là nước công nghiệp phát triển cao.
- Các ngành công nghiệp hàng đầu thế giới.
 - + CN chế tạo ô tô, tàu biển
 - + CN điện tử, các thiết bị điện tử, máy tính điện tử.
 - + CN sản xuất hàng tiêu dùng: đồng hồ, xe máy...

II. BÀI TẬP

1. Tính mật độ dân số
2. Vẽ biểu đồ tròn và nhận xét biểu đồ.

* Chú ý:

- + Vẽ đường tròn và bán kính 12h, tính toán số độ để vẽ (không cần ghi vào bài làm)
- + Ghi số liệu vào biểu đồ
- + Ghi ước hiệu, chú thích và tên cùng trang với biểu đồ.